

**Phụ lục 1**  
**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2018-2025**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /4/2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	<div>Đối tượng</div> <div>Nội dung</div>		Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn					Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với lãnh đạo, quản lý			Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó	
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Cấp sở	Cấp phòng	Cấp xã						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Chuyên viên cao cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
		Chuyên viên chính	49	2	0	0	22	36	0	0	0	5	0	0	0	39	22	10	16	24	1	3	0	229	71	52
		Chuyên viên	126	2.380	47	1.379	0	384	932	0	4	128	12	0	0	15.419	49	298	129	3.338	131	111	186	25.053	16.771	11.932
		Cán sự	0	51	2	78	0	0	32	40	0	0	42	2	0	275	0	0	1	187	16	14	9	749	509	362
		<b>Tổng 1</b>	<b>175</b>	<b>2.433</b>	<b>49</b>	<b>1.457</b>	<b>22</b>	<b>420</b>	<b>964</b>	<b>40</b>	<b>4</b>	<b>133</b>	<b>54</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>15.734</b>	<b>71</b>	<b>308</b>	<b>146</b>	<b>3.549</b>	<b>148</b>	<b>128</b>	<b>195</b>	<b>26.032</b>	<b>17.351</b>	<b>12.346</b>
2	Cán bộ, công chức cấp xã (bao gồm cả cấp huyện cũ)	Cán bộ	4	839	458	2.869	0	2	349	150	0	12	530	55	60	8.942	57	61	1.914	5.617	44	515	172	22.650	22.536	8.236
		Công chức	0	1.098	1.245	3.268	0	0	324	382	0	1	621	41	171	13.633	0	43	633	7.175	92	683	335	29.745	17.937	11.810
		<b>Tổng 2</b>	<b>4</b>	<b>1.937</b>	<b>1.703</b>	<b>6.137</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>673</b>	<b>532</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>1.151</b>	<b>96</b>	<b>231</b>	<b>22.575</b>	<b>57</b>	<b>104</b>	<b>2.547</b>	<b>12.792</b>	<b>136</b>	<b>1.198</b>	<b>507</b>	<b>52.395</b>	<b>40.473</b>	<b>20.046</b>
		<b>Tổng 1+2</b>	<b>179</b>	<b>4.370</b>	<b>1.752</b>	<b>7.594</b>	<b>22</b>	<b>422</b>	<b>1.637</b>	<b>572</b>	<b>4</b>	<b>146</b>	<b>1.205</b>	<b>98</b>	<b>231</b>	<b>38.309</b>	<b>128</b>	<b>412</b>	<b>2.693</b>	<b>16.341</b>	<b>284</b>	<b>1.326</b>	<b>702</b>	<b>78.427</b>	<b>57.824</b>	<b>32.392</b>

Kinh phí sử dụng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước từ năm 2016 đến nay (ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách Trung ương: 800 ; Ngân sách địa phương: 40.000 ; Nguồn khác: 7.000

**Phụ lục 2**  
**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2018 - 2025**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /4/2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng		Nội dung	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước (dành cho viên chức hành chính)				Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn			Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với viên chức lãnh đạo, quản lý		Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó	
				Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cấp phòng	Lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1		Viên chức	Hạng I	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Hạng II	1	472	135	377	0	25	134	3	3.214	3	103	821	41	837	19.788	1.169	623	627	28.373	22.964	19.022
			Hạng III	12	1.105	635	4.465	1	41	625	1	9.565	9	341	5.982	110	273	80.195	4.060	1.684	2.686	111.790	86.307	79.124
			Hạng IV	0	110	117	4.741	0	6	57	0	2.277	0	21	2.157	22	31	65.568	2.160	965	1.376	79.608	62.309	55.645
Tổng				13	1.687	887	9.583	1	72	816	4	15.056	12	465	8.960	173	1.141	165.551	7.389	3.272	4.689	219.771	171.580	153.791

Kinh phí sử dụng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức ở trong nước từ năm 2016 đến nay (ĐVT: triệu đồng):

Trong đó: Ngân sách ĐVSNCL: 20.000 ; Nguồn khác: 5.000

**Phụ lục 3**  
**KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở TRONG NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**  
*(Kèm theo Báo cáo số           /BC-SNV ngày   /4/2026 của Sở Nội vụ)*

Đơn vị tính: lượt người

TT	<div>Nội dung Đối tượng</div>	Bồi dưỡng kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND	Bồi dưỡng, cập nhật	Tổng số	Trong đó	
					Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cấp tỉnh	113	9	122	72	37
2	Cấp xã (bao gồm cả cấp huyện cũ)	10.398	970	11.368	9.172	3.515
	<b>Tổng số</b>	<b>10.511</b>	<b>979</b>	<b>11.490</b>	<b>9.244</b>	<b>3.552</b>

**Phụ lục 4**

**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2018 - 2025**

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-SNV ngày /4/2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng		Nội dung	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng									Thời gian			Tổng số	Trong đó	
				Quản lý, điều hành chương trình KT - XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước, chuyên ngành, lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiến thức hội nhập	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác	Trên 1 năm	Từ 1 - 12 tháng	Dưới 1 tháng		Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp Bộ, ngành TW và lãnh đạo cấp tỉnh	4	1	5	3	0	0	0	0	2	0	0	15	15	7	2	
		Cấp vụ, sở, huyện và tương đương	19	16	22	10	11	35	0	0	37	0	0	150	150	93	33	
		Cấp phòng và tương đương	37	8	19	16	3	35	0	2	51	2	0	169	171	91	33	
	Tổng 1			60	25	46	29	14	70	0	2	90	2	0	334	336	191	68
2	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách		2	0	21	3	1	7	0	0	18	0	0	52	52	33	17	
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng		0	1	2	1	0	2	2	7	2	9	0	8	17	5	11	
4	Đối tượng khác		0	1	4	0	2	1	1	2	4	4	1	10	15	13	11	
Tổng 1 + 2 + 3 + 4			62	27	73	33	17	80	3	11	114	15	1	404	420	242	107	

Kinh phí sử dụng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở nước ngoài từ năm 2016 đến nay (ĐVT: triệu đồng):

Trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.000

; Ngân sách địa phương: 10.000

; Nguồn khác: 200